

Số: 942 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 22 tháng 03 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 5)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh bổ sung khoản 10a Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập*

*phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội;*

*Căn cứ Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đối với các hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu khách sạn cao tầng tại điểm số 1, tuyến du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiến và dự án Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội;*

*Căn cứ Quyết định số 4175/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 4);*

*Theo Văn bản số 1975/UBND-TH ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh về việc chủ trương áp dụng một số nội dung liên quan đến giá đất và hạn mức đất ở trên địa bàn thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát;*

*Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát (trừ xã Cát Hải) tại Tờ trình số 14/TTr-HĐBT ngày 01/3/2024 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 311/TTr-STNMT ngày 21/3/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 5), với các nội dung cụ thể như sau:

**1.** Về bồi thường, hỗ trợ:

a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **1.704.436.737 đồng** (Một tỷ, bảy trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.667.746.318 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 33.354.926 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 3.335.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 2.334.000 đồng).

- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 3.335.493 đồng.

b) Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo Quyết định này)

**2.** Điều chỉnh giảm giá trị hỗ trợ khác của 23 hộ dân và các khoản chi phí có liên quan đã được phê duyệt tại Quyết định số 4175/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)

### 3. Về tái định cư:

Bố trí 01 lô đất tái định cư cho 01 hộ gia đình, với tổng diện tích là 124,8m<sup>2</sup> tại Khu tái định cư Cát Tiến mới (Khu 2). Tổng số tiền sử dụng đất các hộ này phải nộp là **1.248.000.000 đồng** (Một tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 05 kèm theo Quyết định này)

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4175/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16

/s/

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB  
ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN KHU VUI CHƠI PHÚ HẬU - CÁT TIẾN, KHU KINH TẾ NHƠN HỘI (ĐỢT 5)  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Hộ dân                                                                                               | Địa chỉ                           | Diện tích<br>đất thu hồi<br>(m <sup>2</sup> ) | Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng) |                           |                     |                      |                                  |                         |                          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------|--------------------------|
|     |                                                                                                      |                                   |                                               | Tiền bồi<br>thường,<br>hỗ trợ đất | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Cây cối,<br>hoa màu | Chính sách<br>hỗ trợ | Thành tiền                       |                         | Giá trị BT,<br>HT (đồng) |
|     |                                                                                                      |                                   |                                               |                                   |                           |                     |                      | Phần ảnh<br>hưởng tuyến<br>đường | Phần ảnh hưởng<br>dự án |                          |
| 1   | Ngô Đức Tài<br>Võ Thị Đào                                                                            | KP Phú Hậu, thị<br>trấn Cát Tiến  | 1.075,60                                      | 175.107.680                       | 259.325.522               | 16.292.900          | 482.986.400          |                                  | 933.712.502             | 933.712.502              |
| 2   | Phạm Xuân Thành<br>Lê Thị Bốn<br>(nhận chuyển nhượng<br>một phần đất từ hộ Ngô<br>Đức Tài)           | Xã Nhơn Lý,<br>Tp Quy Nhơn        | 282,60                                        | 0                                 | 6.009.555                 | 340.000             | 0                    |                                  | 6.349.555               | 6.349.555                |
| 3   | Bùi Thanh Bình<br>Nguyễn Thị Thanh Trúc<br>(nhận chuyển nhượng<br>một phần đất từ hộ Ngô<br>Đức Tài) | KP Tân Tiến, thị<br>trấn Cát Tiến | 245,60                                        | 39.983.680                        | 0                         | 613.500             | 109.046.400          |                                  | 149.643.580             | 149.643.580              |
| 4   | Hồ Mỹ Phương Dung<br>Nguyễn Công Khanh<br>(nhận chuyển nhượng đất<br>từ hộ ông Nguyễn Minh<br>Châu)  | Phường Nhơn<br>Phú, Quy Nhơn      | 723,30                                        | 117.753.240                       | 51.341.361                | 2.398.800           | 321.145.200          | 177.306.960                      | 315.331.641             | 492.638.601              |
| 5   | Phạm Thị Trinh                                                                                       | KP Phú Hậu, thị<br>trấn Cát Tiến  | 27,60                                         | 4.493.280                         | 0                         | 80.000              | 12.254.400           | 16.827.680                       |                         | 16.827.680               |
| 6   | Đỗ Hữu Minh<br>(nhận chuyển nhượng đất<br>từ các ông: Nguyễn Văn<br>Tám, ông Nguyễn Văn<br>Lập)      | KP Phú Hậu, thị<br>trấn Cát Tiến  | 579,70                                        | 0                                 | 0                         | 4.829.600           | 0                    | 4.829.600                        |                         | 4.829.600                |
| 7   | Đoàn Văn Sọ (con Đoàn<br>Văn Linh kê khai)                                                           | KP Phú Hậu, thị<br>trấn Cát Tiến  | 358,20                                        | 0                                 | 0                         | 1.241.800           | 0                    | 1.241.800                        |                         | 1.241.800                |

| STT | Hộ dân                                        | Địa chỉ                          | Diện tích<br>đất thu hồi<br>( $m^2$ ) | Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng) |                           |                     |                      |                                  |                         |                          |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------|--------------------------|
|     |                                               |                                  |                                       | Tiền bồi<br>thường,<br>hỗ trợ đất | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Cây cối,<br>hoa màu | Chính sách<br>hỗ trợ | Thành tiền                       |                         | Giá trị BT,<br>HT (đồng) |
|     |                                               |                                  |                                       |                                   |                           |                     |                      | Phần ảnh<br>hưởng tuyến<br>đường | Phần ảnh hưởng<br>dự án |                          |
| 8   | Nguyễn Thị Lý                                 | KP Phú Hậu, thị<br>trấn Cát Tiên | 375,60                                | 0                                 | 0                         | 7.503.000           | 0                    | 7.503.000                        |                         | 7.503.000                |
| A   | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đợt này       |                                  |                                       |                                   |                           |                     |                      |                                  |                         | 1.612.746.318            |
| B   | Thuê nhà ở (Theo Phục lục số 02)              |                                  |                                       |                                   |                           |                     |                      |                                  |                         | 10.000.000               |
| C   | Thưởng GPMB (Theo Phục lục số 03)             |                                  |                                       |                                   |                           |                     |                      |                                  |                         | 45.000.000               |
| D   | Chi phí GPMB 2%*(A+B+C)                       |                                  |                                       |                                   |                           |                     |                      |                                  |                         | 33.354.926               |
| E   | Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế 0,2%*(A+B) |                                  |                                       |                                   |                           |                     |                      |                                  |                         | 3.335.493                |
| G   | Tổng cộng                                     |                                  |                                       |                                   |                           |                     |                      |                                  |                         | 1.704.436.737            |

**Phụ lục số 02**  
**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ Ở**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT       | Họ và tên               | Địa chỉ                       | Hỗ trợ thuê nhà (đồng) |
|-----------|-------------------------|-------------------------------|------------------------|
| 1         | Ngô Đức Tài, Võ Thị Đào | KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiên | 10.000.000             |
| Tổng cộng |                         |                               | 10.000.000             |

**Phụ lục số 03**  
**BẢNG TỔNG HỢP THƯỞNG ĐÃY NHANH TIẾN ĐỘ GPMB**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số      /QĐ-UBND ngày      /      /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT       | Hộ dân                                  | Địa chỉ                         | Giá trị thưởng<br>(đồng) | Cấp nhà,<br>vật kiến trúc |
|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| 1         | Ngô Đức Tài, Võ Thị Đào                 | KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến   | 7.000.000                | Nhà N6                    |
| 2         | Phạm Xuân Thành, Lê Thị Bốn             | Xã Nhơn Lý,<br>Tp Quy Nhơn      | 1.500.000                | Vật kiến trúc             |
| 3         | Bùi Thanh Bình, Nguyễn Thị Thanh Trúc   | KP Tân Tiến, thị trấn Cát Tiến  | 7.000.000                | Nhà N6                    |
| 4         | Hồ Mỹ Phương Dung<br>Nguyễn Công Khanh  | Phường Nhơn Phú,<br>Tp Quy Nhơn | 7.000.000                | Nhà N8                    |
| 5         | Phạm Thị Trinh                          | KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến   | 1.500.000                | Vật kiến trúc             |
| 6         | Đỗ Hữu Minh                             | KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến   | 7.000.000                | Nhà N6                    |
| 7         | Đoàn Văn Sọ (con Đoàn Văn Linh kê khai) | KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến   | 7.000.000                | Nhà N8                    |
| 8         | Nguyễn Thị Lý                           | KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến   | 7.000.000                | Nhà N8                    |
| Tổng cộng |                                         |                                 | 45.000.000               |                           |

**Phụ lục số 04**  
**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ**  
**DÂN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 4175/QĐ-UBND**  
**NGÀY 10/11/2023 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH (ĐỢT 5)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Hộ dân                                                                                     | Địa chỉ                          | Giá trị điều chỉnh giảm<br>tại Quyết định số 4175/QĐ-UBND<br>ngày 10/11/2023<br>của Chủ tịch UBND tỉnh |                         | Giá trị BT, HT<br>điều chỉnh giảm<br>(đồng) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|
|     |                                                                                            |                                  | Phần ảnh hưởng<br>tuyến đường                                                                          | Phần ảnh hưởng<br>dự án |                                             |
| 1   | Nguyễn Quốc Tuấn<br>Nguyễn Thị Tuyết Sương                                                 | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến | -1.998.000                                                                                             |                         | -1.998.000                                  |
| 2   | Võ Thị Hoa                                                                                 | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến | -10.878.000                                                                                            |                         | -10.878.000                                 |
| 3   | Mang Xuân Tuấn<br>Nguyễn Thị Sinh                                                          | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến | -15.318.000                                                                                            |                         | -15.318.000                                 |
| 4   | Nguyễn Thị Lý                                                                              | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến | -6.882.000                                                                                             |                         | -6.882.000                                  |
| 5   | Nguyễn Thị Màu                                                                             | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến |                                                                                                        | -1.198.800              | -1.198.800                                  |
| 6   | Đoàn Thị Tám                                                                               | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến |                                                                                                        | -5.416.800              | -5.416.800                                  |
| 7   | Nguyễn Văn Tám<br>Nguyễn Thị Thanh                                                         | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến |                                                                                                        | -222.000.000            | -222.000.000                                |
| 8   | Lê Xuân Đức<br>Nguyễn Thị Nhớ                                                              | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến |                                                                                                        | -57.231.600             | -57.231.600                                 |
| 9   | Lê Xuân Tiến<br>Nguyễn Thị Thủy                                                            | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến |                                                                                                        | -222.000.000            | -222.000.000                                |
| 10  | Nguyễn Văn Thắng<br>Phan Thị Thanh Tâm                                                     | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến | -17.893.200                                                                                            | -7.947.600              | -25.840.800                                 |
| 11  | Đoàn Văn Sọ<br>Nguyễn Thị Tâm                                                              | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến | -13.817.300                                                                                            | -21.969.100             | -35.786.400                                 |
| 12  | Đoàn Thị Bích Hoa<br>Nguyễn Thảo Nhân<br>(nhận tặng cho một phần<br>đất từ hộ Đoàn Văn Sọ) | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến | -18.877.831                                                                                            | -29.784.569             | -48.662.400                                 |
| 13  | Đỗ Ngọc Quý<br>Phan Thị Liên<br>(nhận chuyển nhượng một<br>phần đất từ hộ Đoàn Văn<br>Sọ)  | Thôn Phú Hậu, xã Cát<br>Chánh    |                                                                                                        | -38.139.600             | -38.139.600                                 |
| 14  | Phạm Ngọc Vinh<br>Nguyễn Thị Huệ                                                           | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến |                                                                                                        | -183.283.200            | -183.283.200                                |
| 15  | Nguyễn Ngọc Thanh<br>Nguyễn Thị Liên                                                       | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến | -54.520.020                                                                                            | -167.479.980            | -222.000.000                                |

| STT        | Hộ dân                                                                                   | Địa chỉ                              | Giá trị điều chỉnh giảm<br>tại Quyết định số 4175/QĐ-UBND<br>ngày 10/11/2023<br>của Chủ tịch UBND tỉnh |                         | Giá trị BT, HT<br>điều chỉnh giảm<br>(đồng) |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|
|            |                                                                                          |                                      | Phần ảnh hưởng<br>tuyến đường                                                                          | Phần ảnh hưởng<br>dự án |                                             |
| 16         | Trần Văn Bình<br>Mai Thị Hảo                                                             | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến     |                                                                                                        | -176.046.000            | -176.046.000                                |
| 17         | Nguyễn Hùng Kiệt<br>Nguyễn Thị Quyên                                                     | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến     | -127.566.547                                                                                           | -44.775.195             | -172.341.742                                |
| 18         | Nguyễn Vĩ Trung<br>(nhận chuyển nhượng một<br>phần đất từ hộ Nguyễn<br>Hùng Kiệt)        | KP Phương Thái, tt Cát<br>Tiến       |                                                                                                        | -49.658.258             | -49.658.258                                 |
| 19         | Nguyễn Thanh Trung<br>Đoàn Thị Ngọc Linh                                                 | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến     |                                                                                                        | -74.651.408             | -74.651.408                                 |
| 20         | Nguyễn Xuân Công<br>(nhận chuyển nhượng một<br>phần đất từ hộ Nguyễn<br>Thanh Trung)     | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến     |                                                                                                        | -56.569.681             | -56.569.681                                 |
| 21         | Đoàn Thụy Như Nguyệt<br>(nhận chuyển nhượng một<br>phần đất từ hộ Nguyễn<br>Thanh Trung) | KP Trung Lương, thị<br>trấn Cát Tiến |                                                                                                        | -32.769.274             | -32.769.274                                 |
| 22         | Lê Đức Dũng<br>(nhận chuyển nhượng một<br>phần đất từ hộ Nguyễn<br>Thanh Trung)          | KP Phương Thái, thị<br>trấn Cát Tiến |                                                                                                        | -43.198.666             | -43.198.666                                 |
| 23         | Nguyễn Văn Nam<br>Trần Thị Dung                                                          | KP Phú Hậu,<br>thị trấn Cát Tiến     | -44.988.972                                                                                            | -177.011.028            | -222.000.000                                |
| <b>I</b>   | <b>Tổng giá trị BT, HT điều chỉnh giảm</b>                                               |                                      |                                                                                                        |                         | <b>-1.923.870.629</b>                       |
| <b>II</b>  | <b>Giảm chi phí phục vụ công tác BT, GPMB (2%)</b>                                       |                                      |                                                                                                        |                         | <b>-38.477.413</b>                          |
| <b>III</b> | <b>Giảm chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế 0,2%</b>                                      |                                      |                                                                                                        |                         | <b>-3.847.741</b>                           |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng cộng (I+II+III)</b>                                                              |                                      |                                                                                                        |                         | <b>-1.966.195.783</b>                       |









## Phụ lục số 05

**BẢNG TỔNG HỢP BỐ TRÍ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO 01 HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB  
XÂY DỰNG DỰ ÁN KHU VUI CHƠI PHÚ HẬU - CÁT TIẾN, KHU KINH TẾ NHƠN HỘI (ĐỢT 5)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT                            | Hộ dân                  | Địa chỉ          | Lô đất bố trí tái định cư |           |          |                             |                                                           |                                                               | Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng) | Ghi chú |
|--------------------------------|-------------------------|------------------|---------------------------|-----------|----------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|                                |                         |                  | Lô số                     | Tên đường | Phân khu | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá đất ở cụ thể (tái định cư) (đồng/m <sup>2</sup> ) | Đơn giá đất ở cụ thể (theo thị trường) (đồng/m <sup>2</sup> ) |                                     |         |
| 1                              | Ngô Đức Tài, Võ Thị Đào | Phú Hậu Cát Tiến | 5                         | ĐS3       | A        | 124,8                       |                                                           | 10.000.000                                                    | 1.248.000.000                       |         |
| Tổng tiền sử dụng đất phải nộp |                         |                  |                           |           |          |                             |                                                           |                                                               | 1.248.000.000                       |         |